

Số: /QĐ – SYT

Bình Phước, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh; và Thông tư số 21/2017/TT – BHYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT – BHYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na (số GPXH đã cấp: 179/BP-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/6/2019) như sau:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở trước đây: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền, Sản khoa và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn mới của cơ sở: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền, Sản khoa, Nhi khoa và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

Điều 2. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na gồm: **59** kỹ thuật (*chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm*).

Điều 3. Phê duyệt danh sách đăng ký hành nghề tại Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na (*chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm*).

Điều 4. Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và danh sách đăng ký hành nghề đã được Sở Y tế phê duyệt và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 5. Các Ông, bà Trưởng/phó phòng Nghiệp Vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND huyện Bù Đăng;
- TTYT huyện Bù Đăng;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T12.8).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1**PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG**

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 8 năm 2024
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

III. NHI KHOA

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
	1	2	3			
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
2	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
3	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x	
4	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	
5	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
6	105	Thở ngắt	x	x	x	x
7	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
8	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
9	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
10	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x
11	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
12	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
13	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỘC MÁU				
14	133	Thông tiểu	x	x	x	x
15	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				

16	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA				
17	167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
18	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
19	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
20	178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
21	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
22	185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x	
23	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
24	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
25	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	
26	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
27	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
28	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
29	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
30	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x
31	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
32	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
33	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
34	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
35	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
36	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
37	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x
		II. TÂM THẦN				
38	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
39	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
40	267	Liệu pháp lao động	x	x	x	x
41	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x
42	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
		VIII. BỔNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỔNG				
43	1510	Thay băng điều trị bọng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x	

44	1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.	x	x	x	x
		XIII. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
45	2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
46	2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
47	2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		C. TIÊU HÓA				
48	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x
49	2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
50	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
51	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
52	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
53	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
54	3082	Rạch da đầu rộng trong máu tụ dưới da đầu	x	x	x	
55	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x	
		E. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		11. Các kỹ thuật khác				
56	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
57	3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x
58	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
59	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x	

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ Tại Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Bù Na

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác
1.	Nguyễn Cao Cường Adrong	0004667/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Người chịu trách nhiệm chuyên môn chính-Trưởng phòng khám Nội – Bác sỹ phòng khám Nội	
2.	Trần Thị Hòa	000314/QB-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa hệ Nội	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Bác sĩ phòng khám Nội	
3.	Lý Văn Dương	007036/TB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7:	Trưởng phòng khám Sản – Bác sỹ phòng	

				Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng 7h00 đến 11h00	khám Sản	
4.	Bùi Văn Tình	038049/HCM-CCHN	Kỹ thuật viên kỹ thuật hình ảnh	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng 7h00 đến 11h00	Trưởng bộ phận Chẩn đoán hình ảnh – KTV bộ phận chẩn đoán hình ảnh	
5.	Hồ Xuân Thanh Tâm	3867/BP-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Trưởng phòng khám Y học cổ truyền – Bác sỹ phòng khám Y học cổ truyền	
6.	Chu Quang Hưng	4992/BP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h30 đến 11h30 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Chiều: 13h30 đến 17h30	Bác sỹ phòng khám Y học cổ truyền	
7.	Đặng Hưng	0004259/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Bác sỹ phòng khám Nội	

8.	Nguyễn Văn Tâm	003098/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Trưởng phòng khám Ngoại – Bác sỹ phòng khám Ngoại	
9.	Nguyễn Ngọc Tứ	000049/BP-GPHN	Xét nghiệm y học	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Trưởng bộ phận xét nghiệm – Cử nhân xét nghiệm – KTV bộ phận xét nghiệm	
10.	Nguyễn Đình Hiếu	010943/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Trưởng phòng khám Nhi – Bác sỹ phòng khám Nhi	
11.	Quách Công Tuyên	003035/BP-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Y sỹ – Nhân viên phòng khám Ngoại	
12.	Hoàng Thị Bích Hòa	3547/BP-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số,	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Nữ hộ sinh – Nhân viên phòng khám Sản	

			tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
13.	Lê Thị Diệu Huyền	0002106/BP-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Y sỹ YHCT –Nhân viên phòng khám Y học cổ truyền	
14.	Đào Thị Thu Thảo	5232/BP-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Y sỹ - Nhân viên phòng khám Nội	
15.	Lê Thị Thúy Nhung	5230/BP-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Sáng: 7h00 đến 11h00	Y sỹ - Nhân viên phòng khám phòng Sản	

16.	Nguyễn Bá Tiến	5392/BP-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	*Làm việc giờ hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 7: Sáng từ 7h00 đến 11h00 Chiều từ 13h30 đến 17h30 * Làm việc ngoài giờ Chủ nhật: Chiều: 13h30 đến 17h30	Y sỹ YHCT – Nhân viên phòng khám Y học cổ truyền	
-----	-------------------	--------------	--	---	--	--